

THÔNG BÁO

**Về học phí chương trình đào tạo chuẩn khóa 2025 năm học 2025-2026
và dự kiến tăng học phí các năm tiếp theo
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo mức học phí chương trình đào tạo chuẩn của khóa tuyển sinh năm 2025, áp dụng từ năm học 2025-2026 theo chi tiết sau:

1. Phương pháp tính học phí theo tín chỉ

- Nhà trường áp dụng phương pháp tính học phí theo tín chỉ cho các khóa tuyển sinh năm 2025, kể từ năm học 2025-2026;

- Học phí cụ thể được tính dựa trên số tín chỉ mà sinh viên đăng ký mỗi học kỳ theo công thức sau:

$$\text{Học phí} = \text{Số tín chỉ quy đổi} \times \text{Đơn giá học phí/ tín chỉ}$$

Trong đó:

+ Số tín chỉ quy đổi = (số tín chỉ lý thuyết x 15 tiết + số tín chỉ thực hành x 30 tiết)/15 tiết;

+ Đơn giá học phí/ tín chỉ: số liệu cột 1 của các bảng được chi tiết bên dưới.

- Học phí trung bình/ năm học (số liệu cột 2) được trình bày chi tiết ở các bảng bên dưới là giá trị trung bình giữa các ngành trong nhóm dùng để tham khảo.

2. Học phí

- Mức học phí năm học 2025-2026:

+ Học phí hệ chính quy chương trình chuẩn năm học 2025-2026 theo ngành khoảng từ 14.459.000 đồng đến 33.800.000 đồng/năm học, tùy thuộc vào số tín chỉ đào tạo của từng ngành.

Stt	Nhóm ngành	Đơn giá học phí/ tín chỉ	Học phí trung bình/ năm học
A	B	1	2
1	Nhóm 1		
	Tôn giáo học; Triết học; Địa lý học; Lịch sử; Thông tin – thư viện; Lưu trữ học; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nga.	459.000 đồng/tín chỉ	16.652.000 đồng/năm
2	Nhóm 2		
	Xã hội học; Ngôn ngữ học; Nghệ thuật học; Văn hóa học; Quản lý thông tin; Việt Nam học (đối tượng người Việt Nam); Nhân học; Quản trị văn phòng; Công tác xã hội; Quốc tế học; Đô thị học; Quản lý giáo dục; Văn học; Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học; Đông phương học; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Pháp.	663.000 đồng/tín chỉ	24.255.000 đồng/năm
3	Nhóm 3		
	Tâm lý học; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Truyền thông đa phương tiện; Báo chí; Quan hệ quốc tế; Nhật Bản học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Hàn Quốc học; Kinh doanh thương mại Hàn Quốc.	756.000 đồng/tín chỉ	29.843.000 đồng/năm
4	Ngành Việt Nam học (đối tượng người nước ngoài)	2.360.000 đồng/tín chỉ	72.600.000 đồng/năm

+ Học phí ngành Việt Nam học áp dụng cho đối tượng sinh viên người nước ngoài được tính theo số tín chỉ học tập đã đăng ký nhân với đơn giá học phí/ tín chỉ (số liệu cột 1).

- Lộ trình tăng học phí:

+ Học phí có thể được điều chỉnh hàng năm nhưng không vượt quá 15% so với năm trước;

+ Dự kiến mức học phí trong những năm tiếp theo (chỉ mang tính chất tham khảo, có thể thay đổi theo chính sách của Trường và quy định của Nhà nước), cụ thể:

Nhóm ngành	Năm học	Học phí tối đa có thể áp dụng (đồng/tín chỉ)
Nhóm 1	Năm 1	459.000
	Năm 2	$459.000 \times 1,15^1 = 527.850$
	Năm 3	$459.000 \times 1,15^2 = 607.028$
	Năm 4	$459.000 \times 1,15^3 = 698.082$
Nhóm 2	Năm 1	663.000
	Năm 2	$663.000 \times 1,15^1 = 762.450$
	Năm 3	$663.000 \times 1,15^2 = 876.818$
	Năm 4	$663.000 \times 1,15^3 = 1.008.340$



Nhóm ngành	Năm học	Học phí tối đa có thể áp dụng (đồng/tín chỉ)
Nhóm 3	Năm 1	756.000
	Năm 2	$756.000 \times 1,15^1 = 869.400$
	Năm 3	$756.000 \times 1,15^2 = 999.810$
	Năm 4	$756.000 \times 1,15^3 = 1.149.782$
Ngành Việt Nam học (đối tượng người nước ngoài)	Năm 1	2.360.000
	Năm 2	$2.360.000 \times 1,15^1 = 2.714.000$
	Năm 3	$2.360.000 \times 1,15^2 = 3.121.100$
	Năm 4	$2.360.000 \times 1,15^3 = 3.589.265$

3. Lý do điều chỉnh học phí

- Nâng cao chất lượng giảng dạy và chương trình đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị; tăng chi phí vận hành và quản lý; phát triển các dịch vụ hỗ trợ sinh viên; đáp ứng yêu cầu về định hướng tự chủ tài chính;

- Để duy trì chất lượng đào tạo, Nhà trường cần điều chỉnh học phí phù hợp với mức trượt giá hàng năm.

4. Miễn học phí

Nhà trường miễn học phí cho sinh viên chính quy chương trình chuẩn đang học các chuyên ngành Lịch sử Đảng, Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc đối với các môn học được xét miễn và môn học được công nhận chuyển đổi tín chỉ.

5. Chế tài đối với các trường hợp chậm nộp học phí

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 198/QĐ-XHNV-KHTC ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Quy định nộp học phí và hoàn trả học phí đối với người học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tổ chức thực hiện

Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và các khoa thông báo đến sinh viên để thực hiện.

Nhà trường cam kết công khai, minh bạch về mức học phí và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho sinh viên. Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường để được giải đáp.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Sinh viên (để t/h);
- Các đơn vị (để t/h);
- BGH (để b/c);
- Lưu: HC-TH, KH-TC.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Phương Lan